

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L- Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 48/2020/HNGĐ-ST

Ngày 06-8-2021

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trò
2. Ông Trần Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế V- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2021/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/6/2021, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1997;

Nơi ĐKKHKT: Khu H 01, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1993;

Nơi ĐKKHKT: Khu H 01, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Đỗ Thị Thu T, sinh năm 1999;

Nơi ĐKKHKT: khu H 02, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân:

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn V được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 12/5/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống và làm ăn tại khu H 01, xã H, huyện C. Quá trình chung sống của vợ chồng hòa thuận đến tháng 7/2018 thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân do anh V chơi bời, uống rượu, chị khuyên thì anh chửi, không tôn trọng chị, đuổi chị ra khỏi nhà, gây áp lực cho chị về tinh thần. Do mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được nên chị về nhà bố mẹ đẻ ở khu R, xã H, sinh sống đến nay. Trong quá trình chị về nhà mẹ đẻ ở anh V có đến bảo chị về đoàn tụ nhưng chị không về vì chị thấy anh chưa thực sự thay đổi, vợ chồng sống ly thân từ ngày 20/7/2018 đến nay.

Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V để ổn định cuộc sống.

* Tại bản tự khai ngày 07/5/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Nguyễn Văn V trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời điểm vợ chồng sống ly thân như chị H trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, chị H tự bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 7/2018 đến nay. Từ khi chị H về nhà bố mẹ đẻ sống, anh có đến đón chị H về đoàn tụ vài lần nhưng chị H không về nên sau đó anh không đến đón nữa. Nay chị H xin ly hôn anh nhất trí vì vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn tình cảm.

- Về con chung: Hai bên trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Đỗ Trà M, sinh ngày 19/8/2017 và Nguyễn Đỗ Phúc N, sinh ngày 05/11/2018. Hiện nay đang ở với chị H và bà ngoại. Ly hôn chị H xin được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng. Anh V xin được nuôi con chung là Nguyễn Đỗ Trà M, để con chung là Nguyễn Đỗ Phúc N cho chị H nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; Về công sức: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: chị H, anh V đều trình bày, năm 2017 vợ chồng có vay nợ của chị Đỗ Thị Thu T (là em gái chị H) số tiền 10.000.000 đồng, không lãi, để sửa chữa nhà cửa vào năm 2017. Nếu ly hôn, hai bên thỏa thuận chị H, anh V mỗi người có nghĩa vụ trả nợ cho chị T 5.000.000 đồng, không lãi, Phương thức trả nợ một lần vào ngày 30/6/2021.

- Người có quyền lợi liên quan chị T trình bày: Năm 2017, chị có cho chị H, anh V vay số tiền 10.000.000 đồng, không lãi để sửa nhà. Nay anh chị ly hôn đề nghị Tòa án buộc anh V, chị H trả cho chị số tiền 10.000.000 đồng, không lãi suất sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nhất trí với yêu cầu trả nợ số tiền 10.000.000 đồng, không lãi suất cho chị T khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc anh V, chị H phải có nghĩa vụ trả tiền cho chị T tại cơ quan Thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 55; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83, khoản 1 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Đỗ Trà M, sinh ngày 19/8/2017 và Nguyễn Đỗ Phúc N, sinh ngày 05/11/2018 cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 8/2021 cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị H không yêu cầu.

Anh V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn V, mỗi người có nghĩa vụ trả nợ cho chị Đỗ Thị Thu T số tiền 5.000.000 đồng, không lãi. Thời hạn trả nợ một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Về tài sản chung, công sức: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đánh giá đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự và về quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa chị H và anh V là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”. Bị đơn là anh V có nơi cư trú tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Do vậy việc thụ lý và giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh V đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Chứng cứ thu thập được cho thấy: vợ chồng chị H và anh V chung sống hòa thuận với nhau được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng nhau về quan điểm sống, lối sống, vợ chồng không quan tâm và không thông cảm được với nhau, dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 7/2018 đến nay chị H đã về nhà mẹ đẻ ở khu R xã H sinh sống, vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến nhau kể từ đó đến nay. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng trong thực tế không còn, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị H yêu cầu ly hôn anh V nhất trí là có căn cứ, cần công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[2.2]. Về con chung: Chứng cứ thu thập được cho thấy 02 con chung của chị H và anh V đều còn nhỏ, dưới 07 tuổi, cháu Nguyễn Đỗ Phúc N dưới 36 tháng tuổi. Thực tế qua xác minh cho thấy, kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, 02 con chung đều do chị H nuôi dưỡng có sự hỗ trợ và giúp đỡ của mẹ đẻ chị H, bảo đảm được cuộc sống sinh hoạt và sự phát triển bình thường của trẻ nhỏ. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân, chị H đưa con về ở với bố mẹ đẻ tại khu R, xã H, huyện C. Hiện tại chị H làm Công nhân có thu nhập ổn định, anh V thường xuyên đi làm ăn xa, thi thoảng mới về thăm gia đình. Do vậy, để bảo vệ quyền lợi của trẻ em, đảm bảo sự phát triển ổn định của trẻ nhỏ, cần giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng vì các con chung còn nhỏ tuổi, cần sự quan, tâm chăm sóc của người mẹ, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị H không yêu cầu là phù hợp cần chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung; Về công sức: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4]. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Công nhận sự thoả thuận của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn V, mỗi người có nghĩa vụ trả nợ cho chị Đỗ Thị Thu T

số tiền 5.000.000 đồng, không lãi. Thời hạn và phương thức trả nợ một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 và khoản 1 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử :

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn V.

[2]. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Đỗ Trà M, sinh ngày 19/8/2017 và Nguyễn Đỗ Phúc N, sinh ngày 05/11/2018 cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 8/2021 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị H không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn V, mỗi người có nghĩa vụ trả nợ cho chị Đỗ Thị Thu T số tiền 5.000.000 đồng, không lãi. Thời hạn trả nợ và phương thức trả nợ một lần kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

[4]. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 003920 ngày 07/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị H và anh V có mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THA DS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thảo

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị H và anh V có mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thảo

Nghị án kết thúc vào hồi phút
viên Hội đồng xét xử đều nhất trí.

cùng ngày, đã thông qua các thành

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đỗ Thị Thảo

